

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/DS-ST

Ngày: 31/12/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Đơn.

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/QĐST – DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Thế D, sinh năm 1968; Trú tại: số 564/11/8 Đại lộ B, tổ 91, khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1986 và ông Lý Thanh H, sinh năm 1979; Cùng trú tại: số 156/9 đường P, tổ 37, khu 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Bùi Thế D trình bày:

Ngày 01/8/2018 ông Bùi Thế D có cho bà Nguyễn Thị Tuyết N mượn 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để làm vốn kinh doanh giày dép. Bà N hẹn đến ngày cuối cùng của tháng 11/2018 sẽ trả cho ông D. Việc cho mượn tiền có lập thành văn bản, bên cho mượn tiền là ông D, bên mượn tiền là bà N và ông H (chồng bà N) cùng ký và ghi rõ họ tên. Ông D đã giao tiền cho bà N, địa điểm giao tại nhà bà N. Trong văn bản thỏa thuận giữa hai bên có nội dung bà N sẽ trả lãi cho ông D vào ngày 01 tây hàng tháng nhưng không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể. Thực tế, từ khi cho mượn tiền đến nay bà N

chưa trả tiền lãi và tiền gốc cho ông D. Cuối tháng 11/2018, ông D đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà N, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Nay, ông D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Lý Thanh H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông D số tiền gốc là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Ông Bùi Thế D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy mượn tiền ngày 01/8/2018, biên bản hoà giải ngày 12/6/2021.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Lý Thanh H được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà N và ông H. Bà N, ông H không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Bùi Thế D khởi kiện bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Lý Thanh H yêu cầu trả số tiền 20.000.000 đồng nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà N và ông H có nơi cư trú tại 156/9, khu phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Theo biên bản xác minh tại Công an phường H) nên đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Bùi Thế D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Lý Thanh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hình thức của giấy mượn tiền ngày 01/8/2018: Hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký và ghi rõ họ tên của bên cho vay là ông Bùi Thế D, bên vay là bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Lý Thanh H nên về hình thức của hợp đồng đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về nội dung: Các thoả thuận trong giấy mượn tiền đã ký không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội do đó hợp đồng vay tài sản ngày 01/8/2018 có giá trị thi hành đối với các bên.

Thực hiện hợp đồng vay, ông D đã giao cho bà N và ông H 20.000.000 đồng, thời hạn thanh toán theo thoả thuận là ngày cuối cùng của tháng 11/2018, có thoả thuận lãi nhưng không rõ mức lãi suất. Do đó, hợp đồng giữa các bên được xác định là loại hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi. Khi đến hạn thanh toán, ông D đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà N, ông H không trả tiền nên bà N, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thế D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Lý Thanh H phải có nghĩa vụ phải trả cho ông Bùi Thế D số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Ông D không yêu cầu tiền lãi nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thế D đối với bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Lý Thanh H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Lý Thanh H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Thế D số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Lý Thanh H có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1000.000 đồng (một triệu đồng).

Ông Bùi Thế D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông D 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0000504 ngày 23/9/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Đương sự;
- Công Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Ngân